

Bản án số: 383/2019/KDTM-PT
Ngày: 08/5/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong

Các Thẩm phán:

Bà Hà Thanh Thủy

Bà Trương Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Trần Thị Thúy Ái – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2019/TLPT- KDTM ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1680/2018/KDTM-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1357/2019/QĐ-PT ngày 25/3/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 1909/2019/QĐ – PT ngày 16/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH TM K (tên cũ là Công ty TNHH Q)

Địa chỉ: 278 đường L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1993 (có mặt), địa chỉ: 13C đường N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 25/3/2019.

Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên R

Trụ sở: 117 đường N, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Mai L, sinh năm 1989 (có mặt), địa chỉ: 117 đường N, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền năm 2018.

Người kháng cáo: Bị đơn - Công ty TNHH Một thành viên R.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2018 của nguyên đơn - Công ty TNHH Q (sau đây viết tắt là Công ty Q), lời trình bày của đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Ngày 01/11/2016, Công ty Q ký Hợp đồng kinh tế số 01112016/HĐKT-01/Q-R với Công ty TNHH Một thành viên R (sau đây viết tắt là Công ty R) về việc mua bán và thi công lắp đặt hệ thống camera quan sát tại địa chỉ: Trung tâm thương mại R – Số 117 đường N, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị hợp đồng là 1.301.239.500đồng. Sau khi ký hợp đồng, Công ty R đã thanh toán cho Công ty Q số tiền 390.371.850đồng.

Công ty Q đã hoàn thành công việc trong hợp đồng. Ngày 06/9/2017, giữa hai bên đã ký Biên bản nghiệm thu bàn giao thiết bị đưa vào sử dụng hệ thống camera quan sát. Ngày 09/11/2017, Công ty Q xuất hóa đơn tài chính cho Công ty R.

Ngày 08/11/2017, giữa hai bên đã ký Biên bản xác nhận công nợ, theo đó Công ty R còn nợ Công ty Q số tiền 910.867.651đồng. Sau đó, Công ty R đã thanh toán thêm 310.867.650đồng, còn nợ Công ty Q 600.000.000đồng.

Nay Công ty Q khởi kiện yêu cầu Công ty R trả số tiền nợ gốc là 600.000.000đồng, tiền lãi từ ngày 09/11/2017 đến ngày 19/01/2018 là 69 ngày x 0,026% x 910.867.650 đồng = 16.340.000đồng và từ ngày 20/01/2018 đến ngày 22/3/2018 là 62 ngày x 0,026% x 600.000.000đồng = 9.672.000đồng, tổng cộng là 626.012.000đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty Q có sửa đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty R thanh toán các khoản sau: Nợ gốc là 600.000.000đồng và tiền lãi do chậm thanh toán (tính từ ngày 29/11/2017 đến ngày 29/11/2018) là 54.000.000 đồng (600.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 12 tháng). Tổng cộng số tiền phải thanh toán là 654.000.000đồng. Yêu cầu trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn - Công ty TNHH Một thành viên R có bà Lê Mai L là đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 01/11/2016, Công ty Q và Công ty R có ký Hợp đồng kinh tế số 01112016/HĐKT-01/Q-R về việc mua bán và thi công lắp đặt hệ thống camera quan sát tại địa chỉ Trung tâm thương mại R tại 117 đường N, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị hợp đồng là 1.301.239.500đồng. Đến ngày 08/11/2017, giữa hai bên đã ký Biên bản xác nhận công nợ, theo đó Công ty R còn nợ Công ty Q nợ gốc là 910.867.651đồng. Sau đó Công ty R đã thanh toán được cho Công ty Q số tiền 310.867.650đồng và còn nợ 600.000.000đồng.

Do Công ty R đang bị khó khăn về tài chính nên đề nghị Công ty Q gia hạn thời hạn thanh toán nợ gốc 600.000.000đồng và miễn tiền lãi do chậm thanh toán.

Tại Bản án sơ thẩm số 1680/2018/KDTM-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Q.

Buộc Công ty TNHH Một thành viên R phải trả cho Công ty TNHH Q các khoản sau:

- Nợ gốc: 600.000.000đồng.

- Tiền lãi do chậm thanh toán (tạm tính từ ngày 29/11/2017 đến ngày 29/11/2018): 54.000.000đồng.

Tổng cộng: 654.000.000đồng. Thực hiện trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/12/2018, bị đơn - Công ty TNHH Một thành viên R kháng toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn - Công ty R có bà Lê Mai L là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty R thừa nhận theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 08/11/2017 thì Công ty R còn nợ Công ty Q nợ gốc theo hợp đồng mua bán và thi công lắp đặt nêu trên là 910.867.651đồng. Sau đó, Công ty R đã thanh toán cho Công ty Q được 310.867.650đồng còn nợ 600.000.000đồng.

Hiện Công ty R còn nợ 600.000.000đồng nợ gốc và số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 29/11/2017 (tính từ sau ngày xác nhận công nợ, cộng thêm 10 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn tài chính như thỏa thuận trong hợp đồng) đến ngày xét xử sơ thẩm. Công ty R thống nhất thời hạn chậm thanh toán và mức lãi suất chậm thanh toán như bản án sơ thẩm đã nhận định. Công ty R kháng cáo yêu cầu được gia hạn thời hạn thanh toán nợ gốc và được miễn tiền lãi do chậm thanh toán với lý do hiện Công ty R đang trong tình trạng khó khăn về tài chính.

Nguyên đơn - Công ty TNHH TM K (tên cũ là Công ty TNHH Q) có ông Phạm Văn T là đại diện hợp pháp trình bày:

Công ty Công ty TNHH TM K không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty R, yêu cầu được giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Quá trình từ thụ lý đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng; Các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật và có ủy quyền hợp lệ theo các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn hợp lệ và trong thời hạn kháng cáo.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày và chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ phù hợp Điều 50 và Điều 306 của Luật Thương mại.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn và thủ tục kháng cáo của bị đơn là Công ty R là hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty R, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất xác định số nợ còn lại theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 08/11/2017 là 910.867.651 đồng, sau khi đã thanh toán được một phần số nợ theo biên bản xác nhận công nợ thì số nợ còn lại theo hợp đồng kinh tế do hai đương sự ký kết nêu trên là 600.000.000 đồng. Công ty TNHH TM K (tên cũ Công ty TNHH Q) đã xuất hóa đơn tài chính cho Công ty R như thỏa thuận tại hợp đồng.

Tại Điều 3 của Hợp đồng kinh tế số 01112016/HĐKT-01/Q-R ngày 01/11/2016 các bên thỏa thuận: “...Đợt 2: Bên A thanh toán cho bên B 70% giá trị hợp đồng...trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nghiệm thu hệ thống và nhận được hóa đơn tài chính từ bên B”.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH TM K, buộc Công ty R phải thanh toán cho Công ty TNHH TM K số nợ mua hàng chưa thanh toán là 600.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/11/2018) là 54.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp thỏa thuận của các bên theo hợp đồng, phù hợp quy định tại Điều 50 và Điều 306 của Luật Thương mại.

Riêng mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính theo yêu cầu của nguyên đơn là có lợi hơn cho phía bị đơn (theo Văn bản số 1104/CNTPHCM – KHTH ngày 09/4/2019 của Ngân hàng TMCP Công

Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Văn bản số 1769/CV – HCM – TH ngày 04/4/2019 của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Văn bản số 300/TB ngày 12/4/2019 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thì lãi suất quá hạn trung bình của ba ngân hàng là 12,7%/năm).

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty R kháng cáo yêu cầu được gia hạn thời gian thanh toán số nợ gốc và được miễn tiền lãi do chậm thanh toán nhưng không được Công ty TNHH TM K chấp nhận. Công ty R không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác. Do vậy, xét thấy yêu cầu kháng cáo của Công ty R không có căn cứ pháp lý để được chấp nhận.

Với nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm như yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại: Công ty R chịu án phí theo quy định tại Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, Điều 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 26, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH Một thành viên R phải thanh toán cho Công ty TNHH TM K (tên cũ là Công ty TNHH Q) số nợ còn lại theo Hợp đồng đồng kinh tế số 01112016/HĐKT-01/Q-R ngày 01/11/2016 là 654.000.000đồng (sáu trăm năm mươi bốn triệu đồng), bao gồm: Nợ gốc là 600.000.000đồng (sáu trăm

triệu đồng) và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/11/2018) là 54.000.000đồng (năm mươi bốn triệu đồng).

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 486 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Án phí sơ thẩm về kinh doanh thương mại:

Công ty TNHH Một thành viên R phải chịu án phí sơ thẩm là 30.160.000đồng(ba mươi triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng). Hoàn trả cho Công ty TNHH TM K (tên cũ là Công ty TNHH Q) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.520.240đồng (mười bốn triệu năm trăm hai mươi ngàn hai trăm bốn mươi đồng) theo biên lai số 0020657 ngày 07/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí phúc thẩm về kinh doanh thương mại:

Công ty TNHH Một thành viên R chịu 2.000.000đồng (hai triệu đồng), được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000đồng (hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0021590 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Tòa án nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phong